

Số/No. 87./2025/SBB

(Công bố thông tin Báo cáo tài chính  
riêng và hợp nhất giữa niên độ năm  
2025, kết thúc tại ngày 30/06/2025)

(Information disclosure of Separate and  
Consolidated Interim Financial Statements  
for the Six-Month period ended June 30, 2025)

TP.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 09 năm 2025

Ho Chi Minh City, September 24, 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH *PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS*

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
*To: Hanoi Stock Exchange (HNX)*

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

*Complying with the provisions of Clauses 3 and 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16<sup>th</sup>, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company would like to disclose the financial statements year 2024 with Hanoi Stock Exchange as follows:*

### 1. Tên Công ty: Công ty Cổ Phàn Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây

*Name of Organization: Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company*

– Mã chứng khoán: SBB

*Stock code: SBB*

– Địa chỉ: 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM, Việt Nam

*Address: 08 Nam Ky Khoi Nghia, Ward Sai Gon, HCMC, Vietnam*

– Điện thoại/Tel: Fax:

– Email: info@sabibeco.com

### 2. Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure:

– BCTC giữa niên độ năm 2025/*Financial Statements for haft year 2025*

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

*Separate Financial Statements (Listed organizations has no subsidiaries and superior accounting units have affiliated units);*

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

*Consolidated Financial Statements (Listed organizations has subsidiaries)*

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

*General Financial Statements (Listed organizations has an accounting unit directly under its own accounting system);*

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

*Cases in which the cause must be explained:*

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm .....):

*The auditing organization expresses an opinion that is not a fully accepted opinion for financial statements (for audited financial statements in ..)*

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm ...):

*Profit after tax in the reporting period has a difference before and after the audit of 5% or more, converted from loss to profit or vice versa (for audited financial statements in....)*

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có  Không

*The profit after corporate income tax in the business performance statement of the reporting period change by 10% or more compared to the same period of the previous year*

Yes  No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có  Không

*The profit after tax in the reporting period suffered a loss, converted from profit in the same period last year to a loss in this period or vice versa:*

Yes  No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:  
<https://sabibeco.com/quan-he-co-dong/>

This information was published on the company's website at the link: <https://sabibeco.com/shareholder/>

 **Đại diện tổ chức/Representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

*Legal representative/Disclosure Authorization*



*Lee Chio Lim Larry*



**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC riêng giữa niên độ năm 2025/  
*Separate Interim Financial Statements  
for the Six-Month Period Ended June 30,  
2025*
- BCTC hợp nhất giữa niên độ năm  
2025/ *Consolidated Interim Financial  
Statements for the Six-Month Period  
Ended June 30, 2025*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn  
Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây  
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp số 0304116373

ngày 25 tháng 11 năm 2005

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0304116373 ngày 11 tháng 3 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Tan Teck Chuan Lester  
Ông Văn Thanh Liêm  
Ông Lâm Du An  
Ông Văn Thảo Nguyên  
  
Ông Đinh Quang Hải  
Bà Phạm Thị Thanh Thùy  
Ông Đinh Văn Thuận  
Ông Phạm Tấn Lợi  
Ông Đặng Thái  
Ông Nguyễn Tiến Dũng

Chủ tịch (từ ngày 20 tháng 2 năm 2025)  
Chủ tịch (đến ngày 20 tháng 2 năm 2025)  
Phó Chủ tịch (từ ngày 20 tháng 2 năm 2025)  
Phó Chủ tịch (đến ngày 20 tháng 2 năm 2025)  
Thành viên (từ ngày 20 tháng 2 năm 2025)  
Thành viên  
Thành viên (từ ngày 20 tháng 2 năm 2025)  
Thành viên (đến ngày 20 tháng 2 năm 2025)  
Thành viên (đến ngày 20 tháng 2 năm 2025)  
Thành viên (đến ngày 18 tháng 7 năm 2024)  
Thành viên (đến ngày 18 tháng 7 năm 2024)

**Ban Giám đốc**

Ông Lee Chio Lim Larry  
Ông Nguyễn Huy Cảnh  
  
Ông Nguyễn Mạnh Hùng  
Ông Văn Thảo Nguyên  
Bà Văn Bảo Ngọc

Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 3 năm 2025)  
Tổng Giám đốc (từ ngày 16 tháng 12 năm 2024  
đến ngày 1 tháng 3 năm 2025)  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 3 năm 2025)  
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 3 năm 2025)

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Hoà  
  
Ông Văn Bá Nam  
  
Bà Bùi Thị Thái Hà  
Bà Mai Đỗ Minh Văn

Trưởng Ban Kiểm soát  
(từ ngày 20 tháng 2 năm 2025)  
Thành viên (đến ngày 20 tháng 2 năm 2025)  
Trưởng Ban Kiểm soát  
(đến ngày 20 tháng 2 năm 2025)  
Thành viên  
Thành viên (từ ngày 20 tháng 2 năm 2025)

**Người đại diện theo pháp luật**

Ông Tan Teck Chuan Lester  
Ông Văn Thanh Liêm

(từ ngày 20 tháng 2 năm 2025)  
(đến ngày 20 tháng 2 năm 2025)

**Trụ sở đăng ký**

08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa  
Phường Sài Gòn  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây  
Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2025



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG  
Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah  
115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông**  
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 9 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tập đoàn chưa ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 khoản phạt thuế liên quan đến số thuế chưa nộp của một công ty con với số tiền là 49.371 triệu VND. Nếu Tập đoàn ghi nhận khoản phạt thuế này, thì thuế phải nộp Nhà nước và lỗ lũy kế được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024; và chi phí khác và lỗ thuần sau thuế TNDN được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 sẽ tăng 49.371 triệu VND. Kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra kết luận ngoại trừ cho báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 liên quan đến vấn đề này. Chúng tôi đưa ra kết luận ngoại trừ cho báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 do ảnh hưởng của vấn đề này đến tính có thể so sánh giữa số liệu kỳ hiện hành với số liệu so sánh của kỳ trước được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.

## Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được mô tả ở đoạn Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và trong báo cáo kiểm toán ngày 31 tháng 3 năm 2025, công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó, kèm theo vấn đề cần nhấn mạnh liên quan đến các điều chỉnh hồi tố của số liệu so sánh phát sinh từ việc ghi nhận chưa đầy đủ thuế phải nộp Nhà nước và ghi nhận chưa đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận ngoại trừ trong báo cáo soát xét ngày 21 tháng 10 năm 2024 do ảnh hưởng của vấn đề được mô tả ở đoạn Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-01-00585-25-2

CHI NHANH

CÔNG TY TNHH

KPMG

Nhiều Thịch Quyên

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2025

Nelson Rodriguez Casihan

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
 Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2025</b> VND	<b>1/1/2025</b> VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>891.019.265.930</b>	<b>739.152.494.234</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>364.846.189.942</b>	<b>146.777.742.691</b>
Tiền	111		218.733.970.149	96.777.742.691
Các khoản tương đương tiền	112		146.112.219.793	50.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>60.000.000.000</b>	<b>132.400.335.911</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	60.000.000.000	132.400.335.911
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>274.461.664.295</b>	<b>167.513.543.888</b>
Phải thu của khách hàng	131	10	504.448.392.070	400.186.715.142
Trả trước cho người bán	132		14.148.600.488	13.275.455.888
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	3.033.631.332	1.220.332.453
Dự phòng phải thu khó đòi	137	12	(247.168.959.595)	(247.168.959.595)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>13(a)</b>	<b>188.090.200.387</b>	<b>290.652.395.286</b>
Hàng tồn kho	141		221.123.007.752	290.652.395.286
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(33.032.807.365)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.621.211.306</b>	<b>1.808.476.458</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.614.656.460	801.921.612
Thuế phải thu Nhà nước	153		1.006.554.846	1.006.554.846

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>1.280.815.273.324</b>	<b>1.368.005.467.295</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>20.440.000</b>	<b>20.440.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		20.440.000	20.440.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.015.562.849.962</b>	<b>1.087.413.784.317</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	951.753.023.029	1.022.723.676.468
<i>Nguyên giá</i>	222		3.857.316.962.070	3.854.216.188.484
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.905.563.939.041)	(2.831.492.512.016)
Tài sản cố định vô hình	227	15	63.809.826.933	64.690.107.849
<i>Nguyên giá</i>	228		89.074.087.377	89.074.087.377
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(25.264.260.444)	(24.383.979.528)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.155.775.930</b>	<b>424.297.740</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242		4.155.775.930	424.297.740
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>213.554.053.643</b>	<b>207.227.062.473</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252	9(b)	41.186.788.990	186.560.212.473
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	173.867.264.653	22.166.850.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(b)	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>47.522.153.789</b>	<b>72.919.882.765</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	41.599.557.832	52.956.761.638
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	13(b)	5.922.595.957	19.963.121.127
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.171.834.539.254</b>	<b>2.107.157.961.529</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.001.117.681.885</b>	<b>973.595.238.910</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>878.745.631.596</b>	<b>851.223.188.621</b>
Phải trả người bán	311	17	228.955.414.409	81.868.658.477
Người mua trả tiền trước	312	18	34.255.510.505	19.795.093.569
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19	381.668.294.397	401.544.529.643
Phải trả người lao động	314		10.306.938.887	13.654.496.080
Chi phí phải trả	315	20	4.002.092.632	3.238.543.111
Phải trả khác	319	21	33.350.254.422	31.586.252.055
Vay ngắn hạn	320	22	181.164.991.597	297.157.402.011
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	5.042.134.747	2.378.213.675
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>122.372.050.289</b>	<b>122.372.050.289</b>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	24	122.372.050.289	122.372.050.289
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.170.716.857.369</b>	<b>1.133.562.722.619</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>1.170.716.857.369</b>	<b>1.133.562.722.619</b>
Vốn cổ phần	411		875.245.360.000	875.245.360.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a	26	875.245.360.000	875.245.360.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		436.708.750.464	436.708.750.464
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(51.168.810.051)	(51.168.810.051)
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	-	411.120.769.720
Lỗ lũy kế	421		(90.068.443.044)	(538.343.347.514)
- <i>Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		(132.130.904.193)	(231.591.740.886)
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/lỗ năm trước</i>	421b		42.062.461.149	(306.751.606.628)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.171.834.539.254</b>	<b>2.107.157.961.529</b>

Ngày 24 tháng 9 năm 2025

Người lập:  
  
Hoàng Lan Hương  
Kế toán

Người duyệt:  
  
Lee Chio Lim Larry  
Tổng Giám đốc

Ngô Việt Hà  
Kế toán Trưởng

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

			<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>29</b>	<b>1.560.891.909.219</b>	<b>1.030.318.873.354</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>30</b>	<b>1.479.608.687.821</b>	<b>964.978.134.525</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>81.283.221.398</b>	<b>65.340.738.829</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	9.473.485.365	7.423.930.410
Chi phí tài chính	22	32	8.376.732.213	11.485.815.544
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.370.717.797	11.438.937.156
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	24	9(b)	6.326.991.170	(24.976.370.586)
Chi phí bán hàng	25	33	11.200.193.114	16.446.283.575
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	27.269.274.193	94.359.734.385
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>50.237.498.413</b>	<b>(74.503.534.851)</b>
Thu nhập khác	31		155.966.000	710.954.503
Chi phí khác	32		2.551.847.510	231.759.077
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(2.395.881.510)</b>	<b>479.195.426</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>47.841.616.903</b>	<b>(74.024.339.425)</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>36</b>	<b>5.779.155.754</b>	<b>434.287.657</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>36</b>	-	<b>13.571.725.230</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>42.062.461.149</b>	<b>(88.030.352.312)</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
-------	-------------	---	------------------

<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)</b>	60	42.062.461.149	(88.030.352.312)
--	----	----------------	------------------

---

**Trong đó:**

Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của Công ty mẹ	61	42.062.461.149	(88.030.352.312)
--	----	----------------	------------------

---

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	426	(1.006)
--------------------------	----	----	-----	---------

---

Ngày 24 tháng 9 năm 2025

Người lập:

Hoàng Lan Hương  
Kế toán



Người duyệt:

Ngô Việt Hà  
Kế toán Trưởng

Lee Chio Lim Larry  
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
 ngày 30 tháng 6 năm 2025 (Phương pháp gián tiếp)

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2025 VND	30/6/2024 VND

**LUU CHUYEN TIEN TỪ HOAT ĐỘNG KINH DOANH**

<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>47.841.616.903</b>	<b>(74.024.339.425)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	77.278.497.559	80.321.618.853
Các khoản dự phòng	03	47.679.806.347	69.395.787.827
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(7.315.711.954)	(6.265.833.934)
Phần (lãi)/lỗ trong công ty liên kết	05	(6.326.991.170)	24.976.370.586
Chi phí lãi vay	06	8.370.717.797	11.438.937.156
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>167.527.935.482</b>	<b>105.842.541.063</b>
Biến động các khoản phải thu và các tài sản khác	09	(103.486.307.766)	7.970.210.649
Biến động hàng tồn kho	10	68.922.913.722	19.281.193.356
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	139.538.019.069	(143.828.583.360)
Biến động chi phí trả trước	12	9.544.468.958	(6.890.675.514)
		<b>282.047.029.465</b>	<b>(17.625.313.806)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(9.989.098.119)	(14.058.546.543)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.910.160.651)	(1.337.014.720)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.135.836.160)	(2.499.851.111)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>268.011.934.535</b>	<b>(35.520.726.180)</b>

**LUU CHUYEN TIEN TỪ HOAT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(12.215.768.356)	(518.362.800)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	181.818.182	65.000.000
Tiền chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(709.877.267)	(21.445.608.968)
Tiền thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	73.110.213.178	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	115.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	5.682.537.393	7.394.939.419
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>66.048.923.130</b>	<b>100.495.967.651</b>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
 ngày 30 tháng 6 năm 2025 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2025 VND	30/6/2024 VND

**LUU CHUYEN TIEN TU HOAT ĐONG TAI CHINH**

Tiền thu từ đi vay	33	394.057.570.451	492.229.397.010
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(510.049.980.865)	(569.373.880.935)
Tiền chi trả cổ tức	36	-	(42.943.966.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(115.992.410.414)</b>	<b>(120.088.450.425)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>218.068.447.251</b>	<b>(55.113.208.954)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>146.777.742.691</b>	<b>252.271.213.535</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>8</b>	<b>364.846.189.942</b>
			<b>197.158.004.581</b>

Ngày 24 tháng 9 năm 2025

Người lập:

Hoàng Lan Hương  
Kế toán

Người duyệt:

Ngô Việt Hà  
Kế toán Trưởng



Lee Chio Lim Larry  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất  
giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức được giao dịch trên thị trường chứng khoán đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Thông báo số 5158/TB-SGDHN ngày 5 tháng 12 năm 2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là SBB.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Ngày 3 tháng 1 năm 2025, Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“SABECO”) đã mua thêm 37.814.900 cổ phần của Công ty, nâng tỷ lệ sở hữu của SABECO tại Công ty từ 21,80% lên 65,00% và qua đó chuyên Công ty từ công ty liên kết thành công ty con của SABECO. Do đó, kể từ ngày này, SABECO trở thành công ty mẹ của Công ty.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và bán bia, rượu mạch nha và mạch nha; sản xuất đồ uống không cồn và nước khoáng; bán buôn đồ uống, phế liệu kim loại và phi kim loại; cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu trữ; và kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê.

Các hoạt động chính của các công ty con được thể hiện ở Thuyết minh 1(d).

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn có 3 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2025: 3 công ty con và 2 công ty liên kết). Chi tiết như sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Hoạt động chính	30/6/2025		1/1/2025	
				% sở hữu	% biểu quyết	% sở hữu	% biểu quyết
<b>I Các công ty con</b>							
1	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn đồ uống (ruou, bia, nước ngọt) và cung cấp dịch vụ nhà hàng	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Phú Lý	Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia	100%	100%	100%	100%
3	Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia	100%	100%	100%	100%
<b>II Các công ty liên kết</b>							
1	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh	Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia	20,20%	20,20%	20,20%	20,20%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn (*)	Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất chai lọ kim loại, lon và in ấn bao bì	-	-	18,46%	20,01%

(\*) Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn giảm từ 20,01% xuống 18,46% tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và do đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn không còn là công ty liên kết của Tập đoàn kể từ thời điểm đó (Thuyết minh 9(b)(i) và Thuyết minh 9(b)(ii)).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn có 588 nhân viên (1/1/2025: 636 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

### **(a) Cơ sở hợp nhất**

#### **(i) Công ty con**

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính*)

**(ii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là các công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được核算 theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v....).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Khi Tập đoàn không còn ảnh hưởng đáng kể với một công ty liên kết, Tập đoàn dừng ghi nhận khoản đầu tư vào công ty liên kết và ghi nhận đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác. Tại ngày không còn ảnh hưởng đáng kể, nếu giá trị hợp lý của khoản đầu tư không thể xác định được, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư kể từ ngày không còn ảnh hưởng đáng kể được xem là giá gốc của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác đó trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính*)

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

**(ii) Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 43 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	5 – 10 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất là từ 41 đến 49 năm.

**(ii) Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 7 năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính*)

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 40 đến 49 năm.

**(ii) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính*)

**Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(m) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**(u) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.

**4. Tính thời vụ của hoạt động**

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh bia và đồ uống không cồn. Các hoạt động kinh doanh khác bao gồm cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu trữ, và kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê. Ban Giám đốc cho rằng các lĩnh vực hoạt động này không chịu ảnh hưởng đáng kể bởi tính thời vụ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc của Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ sở của các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

**6. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn**

Không có sự thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tập đoàn kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất mà có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

**7. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh bia và đồ uống không cồn. Các hoạt động khác bao gồm cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu trữ, và kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Tập đoàn. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn.

**(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý**

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu bán hàng xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Tập đoàn và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trong lãnh thổ Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2025</b> VND	<b>1/1/2025</b> VND
Tiền mặt	868.553.564	2.162.137.667
Tiền gửi ngân hàng	217.865.416.585	94.615.605.024
Các khoản tương đương tiền	146.112.219.793	50.000.000.000
	364.846.189.942	146.777.742.691

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 0,50% đến 4,75% một năm (1/1/2025: 2,90% một năm).

**9. Các khoản đầu tư**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,20% đến 4,80% một năm (1/1/2025: từ 4,10% đến 5,50% một năm).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2025		1/1/2025	
	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu/ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu/ Giá gốc VND
Dầu tư vào công ty liên kết (i)	41.186.788.990	-	41.186.788.990	186.560.212.473
Dầu tư góp vốn vào đơn vị khác (ii)	173.867.264.653	(1.500.000.000)	172.367.264.653	22.166.850.000
	215.054.053.643	(1.500.000.000)	213.554.053.643	208.727.062.473
				(1.500.000.000)
				207.227.062.473



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	30/6/2025			1/1/2025							
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh	20,20%	20,20%	41.186.788.990	(*)	-	-	20,20%	20,20%	41.186.788.990	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	-	-	-	-	-	-	18,46%	20,01%	145.373.423.483	(*)	-
									186.560.212.473		
				41.186.788.990							

Biến động của khoản đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2025	VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2024	VND
186.560.212.473	324.702.817.994		
6.326.991.170	(24.976.370.586)		
(151.700.414.653)	-		
	(115.000.000.000)		
41.186.788.990	184.726.447.408		

Số dư đầu kỳ  
Phản lợi nhuận/(lỗ) được chia trong kỳ  
Chuyển sang đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác  
Thoái vốn trong kỳ

Số dư cuối kỳ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DNNH  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) **Dầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/6/2025			1/1/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	11.666.670.000	22.201.673.010	-	11.666.670.000	24.150.006.900	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	9.000.180.000	17.295.345.900	-	9.000.180.000	16.830.336.600	-
▪ Công ty Cổ phần Kinh doanh Thực phẩm Trường Sa	1.500.000.000	(*)	(1.500.000.000)	1.500.000.000	(*)	(1.500.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	151.700.414.653	(*)	-	-	-	-
	173.867.264.653			(1.500.000.000)	22.166.850.000	
					(1.500.000.000)	

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 được xác định bằng cách tham khảo giá niêm yết cổ phiếu.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*)

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	229.544.983.034	127.134.553.956
Công ty Cổ phần Thương Mại Sagota Cà Mau	23.388.205.764	23.388.205.764
Các khách hàng khác	251.515.203.272	249.663.955.422
	<hr/>	<hr/>
	504.448.392.070	400.186.715.142
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	229.544.983.034	127.134.553.956
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	742.802.233	332.982.405
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

**11. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu tiền lãi	1.654.671.447	203.315.068
Tạm ứng cho nhân viên	904.109.000	658.000.000
Phải thu khác	474.850.885	359.017.385
	<hr/>	<hr/>
	3.033.631.332	1.220.332.453
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DNNH  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 12. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
	30/6/2025				1/1/2025			
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Sagota Cà Mau	Trên 3 năm	23.388.205.764	(23.388.205.764)	-	Trên 3 năm	23.388.205.764	(23.388.205.764)	
▪ Công ty Cổ phần Goto Quảng Ngãi	Trên 3 năm	17.992.290.458	(17.992.290.458)	-	Trên 3 năm	17.992.290.458	(17.992.290.458)	
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Sagota Bia Miền Bắc	Trên 3 năm	17.988.474.416	(17.852.452.034)	136.022.382	Trên 3 năm	17.852.452.034	(17.852.452.034)	
▪ Các khách hàng khác	Trên 3 năm	199.301.703.336	(187.936.011.339)	11.365.691.997	Trên 3 năm	199.574.610.920	(187.936.011.339)	11.638.599.581
		258.670.67.974	(247.168.959.595)	11.501.714.379		258.807.559.176	(247.168.959.595)	11.638.599.581



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Hàng tồn kho**

**(a) Hàng tồn kho**

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	105.098.211.734	(5.408.769.647)	118.670.482.597	-
Công cụ và dụng cụ	16.100.445.976	(8.559.294.589)	15.801.442.149	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	54.199.129.134	-	68.095.038.479	-
Thành phẩm	22.151.107.988	-	63.771.196.139	-
Hàng hóa	321.327.059	(7.398.500)	1.722.591.417	-
Hàng gửi đi bán	23.252.785.861	(19.057.344.629)	22.591.644.505	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	221.123.007.752	(33.032.807.365)	290.652.395.286	-

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có 33.033 triệu VND (1/1/2025: không) hàng tồn kho lỗi thời hoặc chậm luân chuyển.

Trong kỳ, Tập đoàn đã trích lập dự phòng hàng tồn kho với số tiền là 33.033 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: không).

**(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	20.569.594.939	(14.646.998.982)	19.963.121.127	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Trong thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có 14.647 triệu VND (1/1/2025: không) thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn chậm luân chuyển.

Trong kỳ, Tập đoàn đã trích lập dự phòng thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn với số tiền là 14.647 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024: không).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phuong tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	839.929.899.005	2.949.474.627.354	58.613.131.992	3.931.730.437	2.266.799.696	3.854.216.188.484
Tăng trong kỳ	-	5.427.563.204	-	-	-	5.427.563.204
Thanh lý	-	-	(2.326.789.618)	-	-	(2.326.789.618)
Số dư cuối kỳ	839.929.899.005	2.954.902.190.558	56.286.342.374	3.931.730.437	2.266.799.696	3.857.316.962.070
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	481.655.030.384	2.304.669.238.406	39.127.465.835	3.773.977.695	2.266.799.696	2.831.492.512.016
Khai hao trong kỳ	19.012.919.144	55.588.949.201	1.769.135.088	27.213.210	-	76.398.216.643
Thanh lý	-	-	(2.326.789.618)	-	-	(2.326.789.618)
Số dư cuối kỳ	500.667.949.528	2.360.258.187.607	38.569.811.305	3.801.190.905	2.266.799.696	2.905.563.939.041
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	358.274.868.621	644.805.388.948	19.485.666.157	157.752.742	-	1.022.723.676.468
Số dư cuối kỳ	339.261.949.477	594.644.002.951	17.716.531.069	130.539.532	-	951.753.023.029

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính*)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá là 1.290.520 triệu VND (1/1/2025: 1.213.848 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 374.345 triệu VND (1/1/2025: 417.593 triệu VND) được thế chấp tại một ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22).

## **15. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	87.114.712.377	1.959.375.000	89.074.087.377
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	22.424.604.528	1.959.375.000	24.383.979.528
Khấu hao trong kỳ	880.280.916	-	880.280.916
Số dư cuối kỳ	23.304.885.444	1.959.375.000	25.264.260.444
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	64.690.107.849	-	64.690.107.849
Số dư cuối kỳ	63.809.826.933	-	63.809.826.933

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá là 4.684 triệu VND (1/1/2025: 4.684 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính*)

**16. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đát trả trước</b> <b>VND</b>	<b>Bao bì luân chuyển</b> <b>VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ</b> <b>VND</b>	<b>Chi phí khác</b> <b>VND</b>	<b>Tổng</b> <b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	32.076.499.865	10.493.630.896	8.298.848.359	2.087.782.518	52.956.761.638
Tăng trong kỳ	-	-	1.007.202.191	490.716.000	1.497.918.191
Phân bổ trong kỳ	(512.657.874)	(9.757.542.098)	(1.839.733.302)	(745.188.723)	(12.855.121.997)
Số dư cuối kỳ	31.563.841.991	736.088.798	7.466.317.248	1.833.309.795	41.599.557.832

**17. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ</b> <b>30/6/2025</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2025</b> <b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	184.722.388.673	35.351.796.845
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	14.508.707.410	15.182.080.251
Các nhà cung cấp khác	29.724.318.326	31.334.781.381
	228.955.414.409	81.868.658.477



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ</b>	<b>30/6/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>			
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	184.722.388.673	35.351.796.845	
<b>Các bên liên quan khác</b>			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	14.508.707.410	15.182.080.251	
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	811.816.233	5.105.648.574	
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	168.414.321	81.830.673	
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	119.504.837	-	
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	38.681.477	-	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	34.949.880	-	
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	1.354.909	-	
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	-	16.740.000	

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 15 ngày kể từ ngày hóa đơn.

**18. Người mua trả tiền trước**

	<b>30/6/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Metro J Trading Co., Ltd.</b>		
Trade Beer Sole Co., Ltd	22.492.959.032	9.404.698.102
Các khách hàng khác	7.554.766.156	6.732.350.222
	4.207.785.317	3.658.045.245
	34.255.510.505	19.795.093.569

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Thuế phải nộp Nhà nước**

	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cần trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	
	1/1/2025		30/6/2025	
Thuế giá trị gia tăng	22.368.658.891	286.441.964.895	(112.722.482.020)	(133.530.397.527)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	263.473.125.082	1.382.830.210.503	-	(1.335.646.556.583)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.910.160.651	5.779.155.754	-	(1.910.160.651)
Thuế thu nhập cá nhân	913.619.541	2.231.674.336	-	(2.477.433.125)
Thuế tài nguyên môi trường	2.714.400	14.077.760	-	(14.414.960)
Các loại thuế khác	112.876.251.078	4.778.566.713	-	(115.650.440.341)
				2.004.377.450
	401.544.529.643	1.682.075.649.961	(112.722.482.020)	(1.589.229.403.187)
				381.668.294.397

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2025</b> VND	<b>1/1/2025</b> VND
Chi phí thuê	2.058.373.213	-
Chi phí lãi vay	119.122.187	1.737.502.509
Chi phí phải trả khác	1.824.597.232	1.501.040.602
	4.002.092.632	3.238.543.111

**21. Phải trả khác**

	<b>30/6/2025</b> VND	<b>1/1/2025</b> VND
Nhận ký quỹ ngắn hạn	27.305.028.552	25.998.898.552
Cố tức phải trả	3.599.799.000	3.599.799.000
Kinh phí công đoàn	2.134.143.535	1.751.840.335
Phải trả khác	311.283.335	235.714.168
	33.350.254.422	31.586.252.055

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**22. Vay ngắn hạn**

Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biên động trong kỳ Tăng VND	Giảm VND	30/6/2025	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
			1/1/2025	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam				
- Chi nhánh Kỳ Đồng (i)	212.802.985.274	315.405.223.721	(347.043.217.398)	181.164.991.597
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín (ii)	60.916.391.737	78.652.346.730	(139.568.738.467)	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn (iii)	20.000.000.000	-	(20.000.000.000)	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	3.438.025.000	-	(3.438.025.000)	-
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (iii)				
	297.157.402.011	394.057.570.451	(510.049.980.865)	181.164.991.597
Loại tiền tệ	Lãi suất năm	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	VND 4,8% - 6,5%	181.164.991.597	212.802.985.274	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín	VND 6,9% - 7,0%	-	60.916.391.737	
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	VND 6,5%	-	20.000.000.000	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND 5,5%	-	3.438.025.000	
			181.164.991.597	297.157.402.011

Điều kiện và điều khoản của khoản vay ngắn hạn còn số dư như sau:

Loại tiền tệ	Lãi suất năm	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	VND 4,8% - 6,5%	181.164.991.597	212.802.985.274
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín	VND 6,9% - 7,0%	-	60.916.391.737
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	VND 6,5%	-	20.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND 5,5%	-	3.438.025.000



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09– DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng có hạn mức tín dụng là 250.000 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị của Tập đoàn (Thuyết minh 14).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị sản xuất bia và quyền sử dụng đất của Tập đoàn (Thuyết minh 14 và Thuyết minh 15).
- (iii) Các khoản vay này không có đảm bảo.

### **23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	2.378.213.675	6.131.504.036
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 25)	4.799.757.232	-
Sử dụng trong kỳ	(2.135.836.160)	(2.499.851.111)
Số dư cuối kỳ	5.042.134.747	3.631.652.925

### **24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<b>Thuế suất</b>	<b>30/6/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận trên:</i>			
▪ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	122.372.050.289	122.372.050.289

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**25. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	(231.591.740.886)	1.527.838.865.247
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(88.030.352.312)	(88.030.352.312)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	(319.622.093.198)	1.439.808.512.935
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(87.524.536.000)	87.524.536.000	-
Cổ tức	-	-	-	-	(87.524.536.000)	(87.524.536.000)
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(218.721.254.316)	(218.721.254.316)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025</b>	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	411.120.769.720	(538.343.347.514)	1.133.562.722.619
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 27)	-	-	-	(411.120.769.720)	411.120.769.720	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(4.799.757.232)	(4.799.757.232)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(75.569.167)	(75.569.167)
Giám khảo	-	-	-	-	(33.000.000)	(33.000.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	42.062.461.149	42.062.461.149
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025</b>	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	-	(90.068.443.044)	1.170.716.857.369

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính*)

## **26. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/6/2025 và 1/1/2025</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	87.524.536	875.245.360.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	87.524.536	875.245.360.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn.

## **27. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 23 tháng 6 năm 2025 đã quyết định hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển của Công ty với số tiền là 411.121 triệu VND về lại lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: không) (Thuyết minh 25).

## **28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

### **(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	9.537.962.704	9.537.962.704
Từ hai đến năm năm	156.405.149.657	158.805.857.493
Sau năm năm	109.942.809.114	112.311.082.631
	275.885.921.475	280.654.902.828

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Ngoại tệ**

	30/6/2025		1/1/2025	
	Tương đương Nguyên tệ	VND	Tương đương Nguyên tệ	VND
USD	408.430	10.605.720.440	1.943.065	48.877.798.817

**29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.500.668.842.765	893.575.300.702
▪ Bán hàng hóa	39.318.096.788	64.116.611.172
▪ Cung cấp dịch vụ	14.421.217.881	64.885.706.830
▪ Doanh thu khác	6.483.751.785	7.741.254.650
	1.560.891.909.219	1.030.318.873.354

**30. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Thành phẩm đã bán	1.382.504.190.212	841.372.221.033
Hàng hóa đã bán	37.251.077.937	57.427.538.304
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	47.679.806.347	-
Dịch vụ đã cung cấp	9.580.273.825	61.847.998.548
Giá vốn khác	2.593.339.500	4.330.376.640
	1.479.608.687.821	964.978.134.525



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng	5.067.208.772	3.844.902.919	
Thu nhập từ cổ tức	2.066.685.000	2.650.018.500	
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.339.591.593	929.008.991	
	9.473.485.365	7.423.930.410	

**32. Chi phí tài chính**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Chi phí lãi vay	8.370.717.797	11.438.937.156	
Chi phí tài chính khác	6.014.416	46.878.388	
	8.376.732.213	11.485.815.544	

**33. Chi phí bán hàng**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ	5.707.783.132	8.864.676.617	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.293.881.287	2.327.524.862	
Chi phí nhân viên	1.999.522.977	3.991.351.874	
Chi phí khấu hao và phân bổ	86.078.364	149.073.096	
Chi phí bán hàng khác	112.927.354	1.113.657.126	
	11.200.193.114	16.446.283.575	

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Chi phí nhân viên	15.940.120.424	14.935.671.855	
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.079.671.365	4.462.148.718	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.959.562.715	2.153.198.239	
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ	1.018.203.721	478.960.402	
Dự phòng phải thu khó đòi	-	69.395.787.827	
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.271.715.968	2.933.967.344	
	27.269.274.193	94.359.734.385	

**35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.260.970.202.271	762.016.573.105	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	47.679.806.347	-	
Chi phí nhân công và nhân viên	60.158.249.890	49.900.868.646	
Chi phí khấu hao và phân bổ	77.278.497.559	80.321.618.853	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.736.609.292	41.232.218.585	
Chi phí khác	18.254.789.769	4.405.697.786	

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**36. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	VND	VND	
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>			
Kỳ hiện hành	5.779.155.754	434.287.657	
<b>Chi phí thuế hoãn lại</b>			
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	13.571.725.230	
	5.779.155.754	14.006.012.887	

**(b) Đổi chiểu thuế suất thực tế**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	VND	VND	
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	47.841.616.903	(74.024.339.425)	
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	9.568.323.381	(14.804.867.885)	
Thu nhập được miễn thuế	(1.678.735.234)	(530.003.700)	
Chi phí không được khấu trừ thuế	729.662.915	188.995.736	
Lỗ tính thuế được sử dụng	(12.376.056.577)	-	
Thay đổi trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	9.535.961.269	29.151.888.736	
	5.779.155.754	14.006.012.887	

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2025		1/1/2025	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	47.679.806.347	9.535.961.269	-	-
Lỗ tính thuế	1.069.967.487.619	213.993.497.524	1.131.847.770.506	226.369.554.101
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	1.117.647.293.966	223.529.458.793	1.131.847.770.506	226.369.554.101
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Lỗ tính thuế được khấu trừ VND
2025	Chưa quyết toán	82.116.905.883
2026	Chưa quyết toán	33.145.230.793
2027	Chưa quyết toán	17.489.914.101
2028	Chưa quyết toán	440.819.405.977
2029	Chưa quyết toán	494.527.967.328
2030	Chưa quyết toán	1.868.063.537
		<hr/>
		1.069.967.487.619
		<hr/>

**(d) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024 dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ	42.062.461.149	(88.030.352.312)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.799.757.232)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	37.262.703.917	(88.030.352.312)

Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được ước tính dựa trên số kế hoạch đã được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho hai kỳ báo cáo là 87.524.536 cổ phiếu.

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	426	(1.006)

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>		
	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	VND	VND	

**Công ty mẹ**

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**

Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.392.135.029.415	762.347.942.389	
Bán nguyên vật liệu	115.000.667	-	
Cung cấp dịch vụ	100.295.000	-	
Mua nguyên vật liệu	1.044.016.151.942	569.371.393.854	
Mua thiết bị	595.207.000	-	
Cỗ tức đã trả	-	7.186.150.000	

**Các bên liên quan khác**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn**

Bán thành phẩm	-	10.000.000	
Mua vật liệu bao bì	37.041.385.875	64.782.517.323	

**Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây**

Chi phí thuê đất	2.058.373.213	3.120.525.256	
Cỗ tức đã trả	-	2.760.000.000	

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

Thu nhập từ cỗ tức	1.166.667.000	1.750.000.500	
--------------------	---------------	---------------	--

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

Thu nhập từ cỗ tức	900.018.000	900.018.000	
--------------------	-------------	-------------	--

**Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn**

Cung cấp dịch vụ	1.325.561.086	-	
Phí thuê pallet	284.065.174	-	

**Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co**

Mua hàng hóa	579.728.450	-	
Mua dịch vụ	8.600.000	-	

**Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ**

Mua vật liệu bao bì	106.719.250	-	
---------------------	-------------	---	--

**Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh**

Mua nguyên vật liệu	62.000.000	-	
---------------------	------------	---	--

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng</b>		
Mua hàng hóa	54.441.000	-
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long</b>		
Mua hàng hóa	32.361.000	-
<b>Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương</b>		
Mua hàng hóa	6.559.099	-
<b>Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)</b>		
Mua dịch vụ	1.292.879	-
Mua hàng hóa	102.963	-
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Tan Teck Chuan Lester	32.000.000	-
Ông Lâm Du An	28.000.000	-
Ông Văn Thảo Nguyên	36.000.000	36.000.000
Ông Đinh Quang Hải	36.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Thanh Thúy	24.000.000	-
Ông Văn Thanh Liêm	16.000.000	48.000.000
Ông Đinh Văn Thuận	12.000.000	36.000.000
Ông Phạm Tấn Lợi	12.000.000	36.000.000
Ông Đặng Thái	-	36.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	-	36.000.000
<b>Ban Giám đốc</b>		
Lương và thưởng	1.880.000.000	1.620.000.000
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao	74.000.000	54.000.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính*)

**39. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

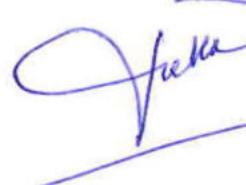
Ngày 24 tháng 9 năm 2025

Người lập:



Hoàng Lan Hương  
Kế toán

Người duyệt:



Ngô Việt Hà  
Kế toán Trưởng

